

Số : 177/2019/QĐST- HNGĐ

TP. Thanh Hóa, ngày 08 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 304/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Đặng Văn T , sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn NV, xã HQ, thành phố TH, tỉnh TH.

- **Bị đơn:** Chị Cao Thị L , sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn NV, xã HQ, thành phố TH, tỉnh TH.

- **Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
Ông Đặng Bá T và bà Nguyễn Thị C
Địa chỉ: Thôn NV, xã HQ, thành phố TH, tỉnh TH.

Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 59; 81; 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đặng Văn T và chị Cao Thị L

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Anh Đặng Văn T và chị Cao Thị L thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Đặng Văn T và chị Cao Thị L có 02 con chung là Đặng Thị H , sinh ngày 30/9/2001 và Đặng Bá D , sinh ngày 09/4/2005. Công nhận việc thỏa thuận của anh chị về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Sau khi

ly hôn anh Đặng Văn T trực tiếp nuôi con chung Đặng Bá D , chị Cao Thị L cấp dưỡng nuôi Đặng Bá D cùng anh T 1.000.000đ (*một triệu đồng*) một tháng, kể từ tháng 11/2019 đến khi Đặng Bá D đủ 18 tuổi; Con chung Đặng Thị H đã thành niên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Cao Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Công nhận sự thỏa thuận của anh Đặng Văn T , chị Cao Thị L và ông Đặng Bá T , bà Nguyễn Thị C như sau: Anh Đặng Văn T và chị Cao Thị L có khối tài sản chung gồm: 01 xe mô tô SH biển kiểm soát 36B4-651.78 mang tên Đặng Văn T trong “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô”, trị giá xe: 54.600.000đ; 01 nhà 02 tầng trị giá: 414.600.000đ xây dựng trên đất mượn của ông T , bà C tại địa chỉ: Thôn NV 2, xã HQ, TP. TH. (Đất đã được UBND huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số Đ843104 ngày 30/9/2004 mang tên Đặng Bá T , Nguyễn Thị T (C).

Tổng trị giá tài sản chung là: 469.200.000đ (*Bốn trăm sáu chín triệu hai trăm ngàn đồng*), nay chia đôi cho anh T và chị L mỗi người hưởng 234.600.000đ. Cụ thể:

Chị Cao Thị L được toàn quyền sở hữu xe mô tô SH biển kiểm soát 36B4-651.78 đăng ký xe mang tên Đặng Văn T và chị L được nhận số tiền chênh lệch tài sản từ anh T giao lại là 180.000.000đ (*một trăm tám mươi triệu đồng*).

Anh Đặng Văn T được quyền sở hữu ngôi nhà 02 tầng vợ chồng xây trên đất mượn của ông Đặng Bá T , bà Nguyễn Thị C (tại địa chỉ: Thôn NV, xã HQ, TP. TH) và anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị L số tiền chênh lệch trị giá tài sản là 180.000.000đ (*một trăm tám mươi triệu đồng*)

Về đất: Diện tích đất anh T chị L xây dựng ngôi nhà 02 tầng tại thôn Thôn NV, xã HQ, TP. TH là đất mượn của ông Đặng Bá T , bà Nguyễn Thị C , nay ly hôn anh T chị L trả lại đất này cho ông T bà C . Các bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần đất.

- **Về nợ chung:** Anh Đặng Văn T , chị Cao Thị L thỏa thuận: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Đặng Văn T phải chịu 150.000đ án phí ly hôn và 5.865.000đ án phí chia tài sản, tổng là 6.015.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 3.425.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000254 ngày 06/8/2019 và số AA/2018/0000255 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh T còn phải nộp 2.890.000đ án phí.

Chị Cao L phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 5.865.000đ án phí chia tài sản, tổng là 6.015.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND xã Hoằng Quang, TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Nga